

Bản án số: 890/2023/HS-PT

Ngày: 24 – 11 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vương Minh Tâm**

Các Thẩm phán:

Ông **Trần Văn Mười**

Bà **Nguyễn Thị Thúy Hòa**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Lê Thị Thủy Tiên**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà **Cao Thị Hạnh**, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang - Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 454/2023/TLPT – HS ngày 22 tháng 6 năm 2023, đối với các bị cáo Vũ Văn Q, Hoàng Thị T, Trần Trí M, do có kháng cáo của các bị cáo, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2023/HS-ST ngày 10/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2283/2023/QĐPT-HS ngày 01 tháng 11 năm 2023.

1. Vũ Văn Q (có tên gọi khác Hồng A) sinh ngày 19/01/1991 tại huyện A, thành phố Hải Phòng; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: số C đường N, Phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: mua bán; trình độ học vấn: cử nhân Luật; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng viên: là đảng viên Đ1 đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng ngày 23/4/2022; con ông Vũ Tuấn H, sinh năm 1947 và bà Lê Thị L, sinh năm 1947; vợ là Trương Diệu A1, sinh năm 1996 và có 01 con sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 09/3/2021 đến nay và có mặt tại phiên tòa.

2. Hoàng Thị T, sinh năm 1967 tại huyện P, thành phố Hà Nội; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn G, xã P, huyện P, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: mua bán; trình độ văn hóa: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ. tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn L1, sinh năm 1943 và bà Khuất Thị N,

sinh năm 1940; chồng là Trần Chí T1 (đã chết) và có 02 con: lớn sinh năm 1989, nhỏ sinh năm 1995;

Tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 09/3/2021 đến nay và có mặt tại phiên tòa.

3. Trần Trí M, sinh năm 1980 tại thành phố C, tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Số I đường N, khóm F, phường C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: mua bán; trình độ văn hóa: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Huê, sinh năm 1952 và bà Lê Thị Thanh V, sinh năm 1950; vợ là Hồng Mỹ T2, sinh năm 1984 và có 02 con: lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2013;

Tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt, tạm giam trong vụ án khác từ ngày 02/3/2021 đến nay và có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa theo yêu cầu của bị cáo Vũ Văn Q*: Luật sư Trần Văn Q1, thuộc Đoàn luật sư tỉnh A (có mặt).

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Hoàng Thị T*: Luật sư Lê Phước H1, thuộc Đoàn luật sư tỉnh A. (có mặt).

- *Người bào chữa theo yêu cầu của bị cáo Trần Trí M*:

1. Luật sư Nguyễn Thanh Đ, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt).

2. Luật sư Nguyễn Ngọc C, thuộc Đoàn luật sư tỉnh A (có mặt).

3. Luật sư Hồ Hoàng P, thuộc Đoàn luật sư tỉnh A (có mặt).

(Trong vụ án còn có các bị cáo Đào Ngọc C1, Ngô Văn T3, người bị hại và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, nhưng không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa không triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Trí M là Giám đốc Công ty TNHH T5 tại thành phố C, tỉnh An Giang, kinh doanh dầu nhớt, phụ tùng xe gắn máy các loại. Do lo sợ việc tăng cường tấn công, trấn áp tội phạm, nhất là tội phạm kinh tế trên các địa bàn trọng điểm trong tỉnh của Giám đốc Công an tỉnh A (mới nhận nhiệm vụ) làm ảnh hưởng đến việc kinh doanh của M, nên M nảy sinh ý định tìm cách tác động để điều chuyển Giám đốc Công an tỉnh A đi nơi khác (gọi tắt là điều chuyển cán bộ). Để thực hiện, khoảng tháng 12/2020, M gặp Đào Ngọc C1 là người quen từ trước, đặt vấn đề nhờ tìm người có chức vụ, quyền hạn tác động điều chuyển cán bộ, C1 không thực hiện được nhưng vẫn đồng ý giúp M tìm người. Mãnh đưa cho C1 50.000.000 đồng để làm chi phí về thành phố Đà Nẵng để tìm gặp, bàn bạc thỏa thuận với

Ngô Văn T3 là người tự giới thiệu với C1 có mối quan hệ rộng lớn với cán bộ cấp cao ở T và thỏa thuận việc nhận điều chuyển cán bộ với giá 20.000.000.000 đồng. Sau đó, T3 nhờ Hoàng Thị T với giá 13.000.000.000 đồng, còn lại 7.000.000.000 đồng T3 dự tính sẽ chia cho C1 (nhưng chưa trao đổi với C1). T đồng ý với T3 và thỏa thuận sẽ chi 10.000.000.000 đồng để thực hiện việc tác động điều chuyển cán bộ, khi thành công sẽ chi thêm 500.000.000 đồng cho người mà T nhờ thực hiện; còn lại 2.500.000.000 đồng Tâm và T3 sẽ chia nhau. Tuy nhận lời T3, nhưng T biết sẽ không làm được nên tiếp tục đặt vấn đề nhờ Vũ Văn Q thực hiện với giá 10.000.000.000 đồng, Q biết rõ cũng không thực hiện được việc tác động điều chuyển cán bộ, nhưng vẫn đồng ý nhận lời T đồng thời thỏa thuận với T chuyển trước 5.000.000.000 đồng; khi nào nhận được tiền, Q sẽ để trong tài khoản một thời gian, rồi thông báo cho T biết việc này Q không thực hiện được và sẽ yêu cầu T phải cho Q một số tiền thì mới trả lại số tiền T đã chuyển.

Sau khi thống nhất, ngày 16/01/2021, C1 đặt mua vé máy bay cho T3, T và cùng T3 từ thành phố Đà Nẵng, T từ thành phố Hà Nội vào thành phố Cần Thơ. Trước khi đi, T cho Q biết đến An Giang để bàn việc thực hiện tác động điều chuyển cán bộ. Ngày 17/01/2021, C1, T3, T cùng đi đến thành phố C gặp M. Tại đây, ngày 18/01/2021, M thỏa thuận sẽ chuyển trước 10.000.000.000 đồng; sau khi hoàn thành việc điều chuyển cán bộ, sẽ chuyển tiếp 10.000.000.000 đồng còn lại. Ngày 19/01/2021, theo yêu cầu của T3, T mở tài khoản tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần X1 (Ngân hàng E) - Phòng G. Đến ngày 20/01/2021 M cùng T3 đến Ngân hàng E - Phòng G chuyển 10.000.000.000 đồng vào tài khoản của T. Sau khi nhận được tiền, T báo cho Q biết, lúc này Q đang trên đường đến thành phố C. Khi gặp nhau, Q cho biết vừa đi ngang Công ty của M thấy có một chiếc xe ô tô biển số xanh và nghi sự việc bị phát hiện. Cùng lúc đó, Q biết có T3 cùng tham gia và T3 bàn bạc với Q để yêu cầu M phải chi một số tiền chi phí mới trả lại 10.000.000.000 đồng; đồng thời Quý phân công T3 đứng ra dàn xếp. T3 gặp M nói gạt là sự việc tác động điều chuyển cán bộ đã bị phát hiện, yêu cầu M phải chịu tổn khoản tiền 4 – 5 tỷ đồng là tiền chi phí của nhóm T3 đi lại và lo lót cho Công an để nhóm của T3 và M không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Mãnh tin thật và lo sợ mất 10.000.000.000 đồng nên nhiều lần thương lượng, thỏa thuận xin nhận lại tiền, T3 điện thoại cho Q hỏi ý kiến thì Q chỉ đồng ý trả lại 7.700.000.000 đồng, cuối cùng M đồng ý nhận lại số tiền này, trong đó M cho riêng T3 300 triệu đồng. Còn lại 2.300.000.000 đồng, nhóm của Q chia nhau hưởng lợi.

Ngày 21/01/2021, Q, T3, T đến thành phố L, tỉnh An Giang để T3, T và M vào Ngân hàng E – chi nhánh A2 để T rút 300.000.000 đồng đưa cho M, để M cho riêng T3; T chuyển 7.400.000.000 đồng trả cho M vào tài khoản Công ty TNHH T5. Còn lại 2.300.000.000 đồng, T rút 2.200.000.000 đồng đưa cho Q, Q lấy 2.100.000.000 đồng, chia cho T3 100.000.000 đồng; T được chia 100.000.000 đồng còn lại.

Sau khi chiếm đoạt 2.100.000.000 đồng của Trần Trí M và để che giấu nguồn gốc số tiền bất hợp pháp này, ngày 23/01/2021, Q nhờ Lê Thị N1 (bạn, sống cùng xóm với cha mẹ của Q) đứng tên mở tài khoản tại Ngân hàng S1 – Chi nhánh Đ2 (điểm giao dịch Phòng G1) để Q nộp 2.000.000.000 đồng vào tài khoản, nhưng không cho N1 biết nguồn tiền do phạm tội mà có. Theo yêu cầu của Q, ngày 30/01/2021, N1 chuyển khoản cho Q 500.000.000 đồng, Q rút tiền trả nợ cho vợ chồng N1 100.000.000 đồng, cho Nguyễn Trọng T4 (chồng của N1) mượn 300.000.000 đồng để mua xe ô tô, còn lại 100.000.000 đồng Q trả nợ ngân hàng. Trong các ngày 08/02/2021 và 22/02/2021, Q kêu Nhâm chuyển khoản, rút tiền mặt cho Q 2 lần 150.000.000 đồng để Q tiêu xài. Sau khi biết số tiền 2.000.000.000 đồng mà Q nhờ mở tài khoản gửi tại ngân hàng là do phạm tội mà có, N1 đã rút 1.349.800.000 đồng còn lại trong tài khoản giao nộp Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh A.

Ngày 02/3/2021, M làm đơn tố giác hành vi phạm tội của Q và đồng phạm. Ngày 09/3/2021, Q, T3, T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh A đầu thú.

Cáo trạng số 08/CT-VKSAG-P2 ngày 03/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đã truy tố các bị cáo:

- Vũ Văn Q về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Rửa tiền*” theo điểm a khoản 4 Điều 174; điểm a khoản 3 Điều 324 Bộ luật Hình sự.
- Ngô Văn T3, Hoàng Thị T, Đào Ngọc C1 về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.
- Trần Trí M về tội “*Đưa hối lộ*” theo khoản 4 Điều 364 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2023/HS-ST ngày 10/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Vũ Văn Q phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Rửa tiền*”. Bị cáo Hoàng Thị T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Bị cáo Trần Trí M phạm tội “*Đưa hối lộ*”.

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm a khoản 3 Điều 324; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 55; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: Bị cáo Vũ Văn Q 13 (mười ba) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 09 (chín) năm tù về tội “*Rửa tiền*”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả 02 tội là 22 (hai mươi hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/3/2021.

2. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Thị T 10 (mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/3/2021.

3. Căn cứ khoản 4 Điều 364; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: Bị cáo Trần Trí M 11 (mười một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/3/2021.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần trách nhiệm hình sự của các bị cáo Ngô Văn T3, Đào Ngọc C1, trách nhiệm dân sự, biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 15/5/2023 các bị cáo Vũ Văn Q, Hoàng Thị T làm đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 19/5/2023 bị cáo Trần Trí M làm đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Vũ Văn Q, Hoàng Thị T, Trần Trí M vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

Bản án sơ thẩm áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm a khoản 3 Điều 324; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 55; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt: Bị cáo Vũ Văn Q 13 (mười ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 09 (chín) năm tù về tội “Rửa tiền”. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt: Bị cáo Hoàng Thị T 10 (mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/3/2021. Áp dụng khoản 4 Điều 364; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt: Bị cáo Trần Trí M 11 (mười một) năm tù là có căn cứ, không nặng. Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có phát sinh thêm tình tiết gì mới. Do đó đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Vũ Văn Q, Hoàng Thị T, Trần Trí M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Phần trình bày của người trình bày của người bào chữa và các bị cáo:

- Luật sư Trần Văn S bào chữa cho bị cáo Vũ Văn Q tranh luận: Bị cáo Q có tình tiết mới là bị cáo có đóng góp cho địa phương trong thời gian dịch Covid-19. Nhận thấy mức án cấp sơ thẩm áp dụng là quá nghiêm khắc do cấp sơ thẩm xác định bị cáo có 3 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, đồng thời bị cáo đầu thú nhưng không được áp dụng khoản 2 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật hình sự là chưa đầy đủ. Bị cáo M có lời khai xin giảm nhẹ hình phạt cho bị

cáo Q cũng chưa được xem xét. Viện nghiên cứu cũng đã có Công văn gửi Tòa án phúc thẩm. Bị cáo là lao động chính trong gia đình, gia đình chính sách, nhân thân tốt. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để cân nhắc giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo Q.

- Bị cáo Vũ Văn Q đồng ý với lời bào chữa của Luật sư, không bổ sung.

- *Luật sư Lê Phước HI bào chữa cho bị cáo Hoàng Thị T*: Bị cáo T hưởng lợi ít, phạm tội lần đầu, bị cáo là người giải quyết lao động tại địa phương hơn 1000 người, bị cáo đang nuôi mẹ già ở quê, bị cáo tích cực hưởng ứng và có thành tích trong công cuộc xây dựng nông thôn mới tại địa phương, đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc giảm nhẹ cho bị cáo T mức án là 8 năm tù.

Bị cáo Hoàng Thị T đồng ý với lời bào chữa của Luật sư không bổ sung.

- *Luật sư Nguyễn Thanh Đ bào chữa cho bị cáo Trần Trí M*: Xét quá trình diễn biến vụ án, nhiều lần trả hồ sơ bổ sung, chuyển Mảnh từ bị hại thành bị cáo. Bị cáo M có hành vi chuyển 10 tỷ đồng vào tài khoản của T vào ngày 20/01/2021 thì sau đó bị cáo M đã quyết định thu hồi số tiền này, và tại cơ quan điều tra đã tự nguyện làm đơn tố giác tội phạm, góp phần ngăn ngừa tội phạm. Thể hiện nhận thức của bị cáo khoản 7 Điều 364 Bộ luật hình sự để miễn trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Hậu quả chưa xảy ra, việc tố giác tội phạm của bị cáo đã ngăn chặn được tội phạm. Bị cáo nhận thấy hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên tố giác tội phạm là tự nguyện (BL 1007, 1009). Có sự thay đổi trong diễn biến tâm lý của M, chuyển biến về mặt nhận thức, tố giác tội phạm khi không biết về thư nặc danh. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét gia đình bị cáo M có công với cách mạng, vợ cũng đang vương vờng lao lý, các con phải sống nhờ người dì.

- *Luật sư Nguyễn Ngọc C bào chữa cho bị cáo Trần Trí M*: Về đánh giá chứng cứ, tại trang 26 của bản án sơ thẩm về tình tiết tự thú của bị cáo M chưa phù hợp với quy định pháp luật. Sơ thẩm đánh giá hành vi của bị cáo từ lúc chuyển giao tiền 20/01/2021 thì đến tháng 3/2021 mới tố giác nên đánh giá là bị cáo M không tự nguyện tố giác tội phạm, quan điểm này là chưa thấu đáo. Ngày 20/01/2021 M đã hoàn thành việc chuyển tiền vào tài khoản của T, sau đó M phát hiện bị lừa nên muốn thu hồi lại số tiền. Bị cáo không mong muốn tiếp tục thực hiện nữa, nhưng nhóm của Q đặt điều kiện phải trả một khoản tiền mới trả tiền cho bị cáo M, cụ thể M chỉ nhận được 7,7 tỷ đồng, mong muốn nhận lại 2,3 tỷ đồng mà Q chiếm đoạt. Từ việc M tự tố giác hành vi hối lộ mới giúp cơ quan điều tra đủ điều kiện đối với tội lừa đảo của nhóm Q đã thỏa mãn điều kiện áp dụng tình tiết đầu thú quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đơn tố cáo nặc danh ngày 23/01/2021 có đóng dấu xác nhận của cơ quan điều tra ngày 25/01/2021 thì theo quy trình phải kiểm tra thông tin, bị cáo Q cũng không biết đơn này của ai trong cùng cơ quan của Q đã tố cáo nên việc nhận định đơn tố giác của M có sau đơn nặc danh mà không áp dụng tình tiết tự thú cho M là không khách quan. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khoản 7 Điều 364, điểm s, t, r khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để miễn trách nhiệm hình sự đối với bị cáo M.

- *Luật sư Hồ Hoàng P bào chữa cho bị cáo Trần Trí M:* Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo nửa đường chấm dứt tội phạm và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét những quan điểm của Luật sư Đ và Luật sư C.

Bị cáo Trần Trí M bổ sung: Tại thời điểm bị cáo chuyển tiền bị cáo không am hiểu pháp luật mới bị C1 dụ dỗ, sau khi biết được thì bị cáo đã chấm dứt hành vi trong thời gian ngắn. Bị cáo khai báo tất cả những gì bị cáo biết, lúc đó Cơ quan điều tra nói bị cáo là bị hại không có tội, nếu Cơ quan điều tra giải thích rõ cho bị cáo biết thì bị cáo đã tố giác rõ hành vi hối lộ rồi, nếu bị cáo am hiểu pháp luật thì làm sao điều chuyển công tác trong vòng mấy ngày được.

- *Đại diện Viện kiểm sát đối đáp:* Tại trang 13 của bản án sơ thẩm đã nhận định đầy đủ về tình tiết đầu thú, giấy khen của địa phương đối với bị cáo T. Riêng bị cáo M, các Luật sư cũng nói rất rõ khi bị cáo M biết bị lừa mới đi tố giác tội phạm, mới khai ra hành vi hối lộ chứ không phải không có nguyên do nào nên không thỏa mãn điều kiện của tố giác tội phạm hối lộ.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo Vũ Văn Q, Hoàng Thị T, Trần Trí M đều thừa nhận hành vi phạm tội đúng như án sơ thẩm đã xét xử và nhận thức được việc làm sai trái của bản thân, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo Vũ Văn Q, Hoàng Thị T, Trần Trí M làm trong hạn luật định nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

[2.1] Về tội danh:

Chỉ vì vụ lợi, để có nhiều tiền để tiêu xài, các bị cáo Vũ Văn Q, Ngô Văn T3, Hoàng Thị T, Đào Ngọc C1 đã tạo điều kiện, giúp sức, cấu kết với nhau, gian dối hứa hẹn sẽ thông qua các mối quan hệ xã hội lớn ở Trung ương để tác động điều chuyển cán bộ đi nơi khác nhằm tạo cho Trần Trí M sự tin tưởng, rồi chiếm đoạt số tiền 2.300.000.000 đồng của M để chia nhau hưởng lợi. Ngoài ra, Vũ Văn Q sau khi chiếm đoạt 2.100.000.000 đồng của Trần Trí M, đã nhờ người khác đứng tên mở tài khoản ngân hàng để chuyển tiền vào tài khoản 2.000.000.000 đồng nhằm che giấu nguồn gốc tiền do phạm tội mà có. Riêng Trần Trí M, vì lo sợ giám đốc Công an tỉnh A sẽ chỉ đạo tăng cường tấn công, trấn áp tội phạm kinh tế ảnh hưởng đến việc kinh doanh, sản xuất vi phạm pháp luật của M nên đã có hành vi đưa 10.000.000.000 đồng qua trung gian nhằm mục đích hối lộ cho người có chức vụ, quyền hạn để điều chuyển Giám đốc Công an tỉnh A đi khác.

Với hành vi nêu trên của các bị cáo: Vũ Văn Q đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tội phạm được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự

năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và tội “Rửa tiền” tội phạm được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 324 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo Hoàng Thị T đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tội phạm được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo Trần Trí M đã phạm tội “Đưa hối lộ” tội phạm được quy định tại khoản 4 Điều 364 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[2.2] Xét về tính chất vụ án: Hành vi của các bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo phạm tội với tính chất đặc biệt nghiêm trọng, không những xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được Nhà nước ghi nhận và bảo vệ mà còn xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan nhà nước về công tác cán bộ, đặc biệt gây ảnh hưởng xấu đến công tác cán bộ chủ chốt của tỉnh, cũng như đời sống bình thường của xã hội, gây mất an ninh trật tự tại địa phương.

Với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo cần thiết phải xét xử một hình phạt thật nghiêm khắc và cao hơn các bị cáo khác trong vụ án mới có đủ tác dụng giáo dục, răn đe cải tạo bị cáo và phòng chống tội phạm.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo Vũ Văn Q, Hoàng Thị T, Trần Trí M xin giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Đối với bị cáo Vũ Văn Q:

Trong vụ án này, bị cáo Vũ Văn Q, là người giữ vai trò chính trong việc thực hiện tội phạm. Bị cáo có trình độ học vấn cử nhân luật là người am hiểu pháp luật, có đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình là xâm phạm đến tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn bất chấp hậu quả xảy ra và cố ý thực hiện. Thủ đoạn của bị cáo Q là hết sức tinh vi, không những lừa đảo để chiếm đoạt tài sản của người bị hại mà còn lừa cả các bị cáo khác. Bị cáo đã trực tiếp chỉ huy, tạo lòng tin với đồng phạm và bị hại, trực tiếp chỉ đạo, phân công việc nhận và phân chia số tiền chiếm đoạt. Trong đó, bị cáo được hưởng lợi nhiều nhất với số tiền 2.100.000.00 đồng, cao hơn gấp nhiều lần so với đồng phạm. Nguy hiểm hơn, đề đối phó với cơ quan Công an và che giấu số tiền chiếm đoạt được, bị cáo đã hợp thức hóa số tiền phạm tội mà có bằng cách nhờ người khác đứng tên, mở tài khoản để chuyển tiền vào rồi lần lượt yêu cầu rút tiền mặt chuyển cho bị cáo nhằm chuyển hóa từ nguồn tiền phạm tội thành tiền hợp pháp.

[3.2] Đối với bị cáo Hoàng Thị T: Là người giữ vai trò đồng phạm, giúp sức tích cực, đắc lực cho bị cáo Q. Bản thân các bị cáo là người trưởng thành, có công việc ổn định, biết rõ việc điều chuyển Giám đốc Công an tỉnh phải được thực hiện theo quy định của pháp luật với quy trình rất chặt chẽ. Đồng thời, các bị cáo cũng biết rõ bản thân không làm được việc điều chuyển này nhưng vì hám lợi, có ý thức chiếm đoạt tiền của bị hại nên các bị cáo vẫn tích cực móc nối, câu kết, bàn bạc cùng Q thực hiện hành vi phạm tội. Trong đó, T chịu trách nhiệm mở tài khoản

ngân hàng và làm biên nhận để hợp thức hóa số tiền nhận từ M, thực hiện theo chỉ đạo của Q trong việc chi trả các khoản tiền nằm trong tài khoản do T đứng tên. Với T3 thì tiếp cận, trực tiếp bàn bạc, thỏa thuận cùng M theo chỉ đạo của Q. Trong vụ án này, T3 và T cũng giữ vai trò rất quan trọng, chỉ sau bị cáo Q, xuyên suốt tiếp tay cho Q thực hiện hành vi trái pháp luật nên cả hai bị cáo T3, T phải cùng chịu trách nhiệm như nhau nên mức án dành cho các bị cáo là bằng nhau nhưng có phần thấp hơn so với bị cáo Q.

[3.3] Đối với bị cáo Trần Trí M:

Trần Trí M biết rõ việc kinh doanh, sản xuất do bị cáo làm giám đốc có vi phạm pháp luật. Lẽ ra, bị cáo phải biết dừng lại và thực việc kinh doanh, sản xuất theo đúng quy định của pháp luật. Nhưng ngược lại, để không bị cơ quan chức năng phát hiện, xử lý, bị cáo đã bất chấp pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp và đã thực hiện hoàn tất việc chuyển khoản 10.000.000.000 đồng nhằm mục đích đưa hối lộ qua trung gian của nhóm Q, T3, T để nhờ người giữ chức vụ cao ở Trung ương điều chuyển Giám đốc Công an tỉnh A đi nơi khác. Việc nhóm của T, T3, Q, C1 không làm được việc điều chuyển Giám đốc Công an tỉnh đi nơi khác là ngoài ý muốn của bị cáo. Hành vi của bị cáo đặc biệt nghiêm trọng làm ảnh hưởng đến hoạt động đúng đắn, uy tín của Cơ quan Nhà nước. Do đó, để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật và cần tuyên truyền sâu rộng ý thức của nhân dân trong việc chấp hành chủ trương của Đảng và Nhà N2, không để kẻ xấu có cơ hội thực hiện ý định phá hoại, cần phải áp dụng mức hình phạt thật nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới đủ sức răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Trần Trí M xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự do khai ra hành vi phạm tội của bị cáo Q và các bị cáo khác chứ không phải hành vi đưa hối lộ của bị cáo. Do vậy không có căn cứ chấp nhận lời đề nghị của bị cáo

X, với các hành vi mức độ phạm tội của các bị cáo như trên, khi quyết định hình phạt Tòa sơ thẩm cũng đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ, có xem xét cho các bị cáo các tình tiết giảm nhẹ sau: Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự; sau khi phạm tội đã đến cơ quan Công an đầu thú và bị cáo M cũng đã tự nguyện tố giác hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị cáo Q, T3, T; quá trình điều tra các bị cáo đã thành khẩn khai nhận tội, ăn năn hối cải, đã khắc phục toàn bộ hậu quả, nộp lại các khoản tiền chiếm đoạt của người bị hại; tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án và được Cơ quan điều tra - Công an tỉnh A đề nghị đề xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Ngoài ra, các bị cáo T, M có nhiều giấy khen, bằng khen của địa phương trong việc hỗ trợ chính quyền địa phương. Riêng các bị cáo Q, T có người thân (ông, bà, cha, mẹ) là người có công cách mạng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại

điểm b, s, t, o khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Nên xử bị cáo Q 13 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, 09 năm tù về tội “Rửa tiền”; xử bị cáo T 10 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; bị cáo M 11 năm tù về tội “Đưa hối lộ” là có căn cứ và phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Vũ Văn Q, Hoàng Thị T, Trần Trí M kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp thêm tình tiết gì mới so với bản án sơ thẩm đã nhận định và áp dụng cho các bị cáo. Do đó kháng cáo của các bị cáo là không có căn cứ để chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Các phân tích, nhận định nêu trên cũng là căn cứ để HĐXX chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa. Không chấp nhận lời đề nghị của luật sư bào chữa cho các bị cáo.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Vũ Văn Q, Hoàng Thị T, Trần Trí M, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015,

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Vũ Văn Q, Hoàng Thị T, Trần Trí M.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2023/HS-ST ngày 10/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Tuyên xử:

Tuyên bố: Bị cáo Vũ Văn Q phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Rửa tiền”. Bị cáo Hoàng Thị T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Bị cáo Trần Trí M phạm tội “Đưa hối lộ”.

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm a khoản 3 Điều 324; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 55; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: Bị cáo Vũ Văn Q 13 (mười ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 09 (chín) năm tù về tội “Rửa tiền”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả 02 tội là 22 (hai mươi hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/3/2021.

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Thị T 10 (mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/3/2021.

3. Áp dụng khoản 4 Điều 364; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: Bị cáo Trần Trí M 11 (mười một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/3/2021.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo để đảm bảo Thi hành án.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Vũ Văn Q, Hoàng Thị T, Trần Trí M, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THADS tỉnh An Giang;
- Công an tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- TTG CA tỉnh An Giang;
- Bị cáo;
- Lưu VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vương Minh Tâm